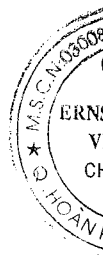


Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương

Báo cáo tài chính hợp nhất

Ngày 31 tháng 12 năm 2017



Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	6 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	9 - 10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	11 - 12
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	13 - 48

Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương ("Công ty") là một công ty cổ phần được chuyển đổi từ Công ty Giống cây trồng Trung ương I theo Quyết định số 5029/QĐ/BNN-TCCB ngày 10 tháng 11 năm 2003 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn và Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0103003628 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu vào ngày 6 tháng 2 năm 2004. Công ty cũng đã nhận các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 11 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 4 tháng 11 năm 2014.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là trồng trọt, kinh doanh, xuất nhập khẩu trực tiếp giống cây trồng và vật tư phục vụ cây trồng; gia công, chế biến, đóng gói bảo quản giống cây trồng và vật tư phục vụ cây trồng.

Công ty có trụ sở chính tại số 1, phố Lương Định Của, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam và các đơn vị trực thuộc sau:

<i>Đơn vị trực thuộc</i>	<i>Địa chỉ</i>
Chi nhánh Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương Thanh Hóa	Huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa
Chi nhánh Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương Thái Bình	Huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình
Chi nhánh Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương miền Trung	Thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
Xí nghiệp Giống cây trồng Trung ương Ba Vì	Huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội
Chi nhánh Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương Hà Nam	Huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
Nhà máy chế biến giống Thường Tín	Huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội
Trung tâm nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao công nghệ Giống cây trồng Trung ương tại Khoái Châu	Huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trung tâm nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao công nghệ Giống cây trồng Trung ương	Huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội
Chi nhánh Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương Tây Nguyên	Thành phố Buôn Mê Thuột, tỉnh Đắk Lắk
Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương - Chi nhánh Hà Nội	Phường Gia Thụy, quận Long Biên, thành phố Hà Nội
Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương - Chi nhánh Kinh doanh Nông sản	Khu Công nghiệp Đồng Văn I mở rộng, thị trấn Đồng Văn, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Trần Kim Liên	Chủ tịch	
Bà Lê Thị Lệ Hằng	Phó Chủ tịch	
Ông Trần Đình Long	Thành viên	
Ông Nguyễn Khắc Hải	Thành viên	
Ông Đỗ Bá Vọng	Thành viên	
Bà Nguyễn Thị Trà My	Thành viên	
Ông Nguyễn Quang Trường	Thành viên	bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2017

Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Khánh Quỳnh	Trưởng Ban
Ông Đỗ Tiến Sỹ	Thành viên
Ông Nguyễn Tuấn Anh	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Trần Kim Liên	Tổng Giám đốc	
Ông Phạm Ngọc Lý	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Hải Thọ	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Đỗ Bá Vọng	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Quang Trường	Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 1 tháng 4 năm 2017
Ông Phạm Trung Dũng	Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 1 tháng 4 năm 2017

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Bà Trần Kim Liên, Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty và các công ty con có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Trần Kim Liên
TỔNG GIÁM ĐỐC TP. HẢI PHÒNG

Ngày 15 tháng 3 năm 2018

Số tham chiếu: 61201380/19317808-HN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương ("Công ty") và các công ty con (sau đây được gọi chung là "Công ty và các công ty con"), được lập ngày 15 tháng 3 năm 2018 và được trình bày từ trang 6 đến trang 48, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty và các công ty con liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty và các công ty con. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Trần Phú Sơn
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán số: 0637-2018-004-1

Trịnh Xuân Hòa
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán số: 0754-2018-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 15 tháng 3 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		872.046.782.884	802.640.135.667
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	5	188.247.233.905	177.548.165.322
111	1. Tiền		175.747.233.905	156.499.159.717
112	2. Các khoản tương đương tiền		12.500.000.000	21.049.005.605
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		707.363.800	1.178.270.000
121	1. Chứng khoán kinh doanh		731.612.000	1.178.270.000
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(24.248.200)	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		356.649.255.955	269.943.463.267
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6.1	301.545.300.298	196.438.173.625
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6.2	32.281.005.202	41.690.358.184
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn		-	200.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	7	30.533.389.445	36.692.398.109
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6.1; 7	(7.711.158.196)	(5.330.934.860)
139	6. Tài sản thiếu chờ xử lý		719.206	253.468.209
140	IV. Hàng tồn kho	9	316.603.150.792	344.275.927.522
141	1. Hàng tồn kho		323.502.208.445	347.520.644.620
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(6.899.057.653)	(3.244.717.098)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		9.839.778.432	9.694.309.556
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	10	6.977.586.575	6.492.786.105
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		2.722.722.426	3.177.405.967
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		139.469.431	24.117.484

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		689.374.716.273	683.890.214.289
220	I. Tài sản cố định		471.536.085.635	436.003.538.712
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	261.237.076.334	224.359.917.589
222	Nguyên giá		436.265.861.222	376.088.347.491
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(175.028.784.888)	(151.728.429.902)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	210.299.009.301	211.643.621.123
228	Nguyên giá		231.117.691.187	228.095.541.187
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(20.818.681.886)	(16.451.920.064)
240	II. Tài sản dở dang dài hạn		13.228.911.424	14.557.490.626
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	13	13.228.911.424	14.557.490.626
250	III. Đầu tư tài chính dài hạn	14	13.333.640.000	13.333.640.000
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		13.333.640.000	13.333.640.000
260	IV. Tài sản dài hạn khác		191.276.079.214	219.995.544.951
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	11.301.121.781	11.784.204.532
262	2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	29.3	2.336.308.133	4.173.898.471
269	3. Lợi thế thương mại	15	177.638.649.300	204.037.441.948
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.561.421.499.157	1.486.530.349.956

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		502.150.112.743	400.854.685.081
310	I. Nợ ngắn hạn		461.448.578.292	358.186.726.381
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	16.1	100.249.655.109	83.679.436.281
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	16.2	103.105.984.669	45.500.445.324
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	9.417.207.157	14.497.207.243
314	4. Phải trả người lao động		41.108.807.777	30.954.602.764
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	18	7.619.944.397	5.160.036.059
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		337.530.000	70.730.000
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	19	43.929.776.045	38.003.779.691
320	8. Vay và nợ ngắn hạn	20	137.032.781.260	123.225.506.839
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		18.646.891.878	17.094.982.180
330	II. Nợ dài hạn		40.701.534.451	42.667.958.700
337	1. Phải trả dài hạn khác		129.095.000	1.048.438.705
338	2. Vay và nợ dài hạn	20	7.165.026.040	7.762.735.950
341	3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	29.3	33.407.413.411	33.856.784.045
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.059.271.386.414	1.085.675.664.875
410	I. Vốn chủ sở hữu	21	1.059.271.386.414	1.085.675.664.875
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		152.950.000.000	152.950.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		152.950.000.000	152.950.000.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi		-	-
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		331.245.527.850	331.245.527.850
415	3. Cổ phiếu quỹ		(40.000.000)	(40.000.000)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		304.975.948.390	266.787.107.432
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		135.386.025.237	139.897.046.908
421a	- Lợi nhuận/(lỗ) chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		35.015.314.759	(11.645.545.478)
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		100.370.710.478	151.542.592.386
429	6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		134.753.884.937	194.835.982.685
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.561.421.499.157	1.486.530.349.956

Người lập
Nguyễn Thị Như Quỳnh

Kế toán trưởng
Phan Thế Tỷ



Ngày 15 tháng 3 năm 2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	23.1	1.602.980.742.843	1.436.841.654.222
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	23.1	90.378.026.742	106.058.470.882
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ [10 = 01 - 02]	23.1	1.512.602.716.101	1.330.783.183.340
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	24	951.883.806.340	831.717.833.009
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ [20 = 10 - 11]		560.718.909.761	499.065.350.331
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23.2	10.889.225.050	6.744.144.436
22	7. Chi phí tài chính	25	17.711.556.501	18.437.873.614
23	Trong đó: chi phí lãi vay		7.651.206.285	12.393.621.843
24	8. Phần lãi trong công ty liên doanh, liên kết		-	-
25	9. Chi phí bán hàng	26	126.528.473.823	125.687.363.607
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	175.133.574.358	148.638.915.165
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + 21 - 22 + 24 - 25 - 26]		252.234.530.129	213.045.342.381
31	12. Thu nhập khác	27	7.450.383.638	2.397.292.991
32	13. Chi phí khác	27	4.088.941.536	1.351.270.521
40	14. Lợi nhuận khác [40 = 31 - 32]		3.361.442.102	1.046.022.470
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế [50 = 30 + 40]		255.595.972.231	214.091.364.851
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	29.2	19.592.526.093	22.378.552.469

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
52	17. (Chi phí)/thu nhập thuế TNDN hoãn lại	29.3	(1.388.219.704)	747.545.775
60	18. Lợi nhuận sau thuế TNDN [60 = 50 - 51 + 52]		234.615.226.434	192.460.358.157
61	19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		210.797.004.116	175.205.884.388
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	21.1	23.818.222.318	17.254.473.769
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	31	13.792	10.316
71	22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	31	13.792	10.316

Người lập
Nguyễn Thị Như Quỳnh

Kế toán trưởng
Phan Thế Tý

Tổng Giám đốc
Trần Kim Liên



Ngày 15 tháng 3 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận trước thuế		255.595.972.231	214.091.364.851
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình (bao gồm phân bổ lợi thế thương mại)		58.111.565.247	58.307.734.929
03	Các khoản dự phòng/(Hoàn nhập dự phòng)		5.240.182.530	(12.588.623.792)
04	Lỗ/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		1.269.748.242	(13.193.244)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	(10.141.540.675)	(3.584.812.547)	
06	Chi phí lãi vay	7.651.206.285	12.393.621.843	
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		317.727.133.860	268.606.092.040
09	(Tăng)/giảm các khoản phải thu	(97.807.311.874)	52.709.515.382	
10	Giảm hàng tồn kho	21.699.117.202	88.773.044.959	
11	Tăng/(giảm) các khoản phải trả	86.030.266.499	5.069.528.754	
12	Tăng chi phí trả trước	(81.203.126)	(670.549.068)	
13	Giảm chứng khoán kinh doanh	446.658.000	2.765.730.000	
14	Tiền lãi vay đã trả	(7.695.308.546)	(12.105.326.494)	
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(23.343.868.775)	(18.593.816.023)	
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(45.704.783.143)	(53.739.330.653)	
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		251.270.700.097	332.814.888.897
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định	(63.090.987.392)	(41.469.580.913)	
22	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	1.300.105.545	4.807.272	
24	Tiền thu hồi cho vay	200.000.000	-	
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	(62.932.763.670)	-	
26	Tiền thu hồi đầu tư vào đơn vị khác	7.221.523.425	-	
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	8.982.842.491	4.357.029.074	
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(108.319.279.601)	(37.107.744.567)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
32	Tiền mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		(98.859.337.909)	(20.000.000)
33	Tiền thu từ đi vay		255.677.185.560	261.577.620.962
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(242.467.621.049)	(405.713.773.833)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(46.609.229.000)	(42.636.006.500)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(132.259.002.398)	(186.792.159.371)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		10.692.418.098	108.914.984.959
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		177.548.165.322	68.677.496.884
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		6.650.485	(44.316.521)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	5	188.247.233.905	177.548.165.322

Người lập
Nguyễn Thị Như Quỳnh

Kế toán trưởng
Phan Thế Tý

Tổng Giám đốc
Trần Kim Liên



Ngày 15 tháng 3 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương ("Công ty") là một công ty cổ phần được chuyển đổi từ Công ty Giống cây trồng Trung ương I theo Quyết định số 5029/QĐ/BNN-TCCB ngày 10 tháng 11 năm 2003 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn và Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0103003628 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu vào ngày 6 tháng 2 năm 2004. Công ty cũng đã nhận các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 11 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 4 tháng 11 năm 2014.

Hoạt động chính trong năm của Công ty là trồng trọt, kinh doanh, xuất nhập khẩu trực tiếp giống cây trồng và vật tư phục vụ cây trồng; gia công, chế biến, đóng gói bảo quản giống cây trồng và vật tư phục vụ cây trồng.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của hoạt động sản xuất, kinh doanh giống cây trồng là dưới 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính tại số 1, phố Lương Định Của, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam và có các đơn vị trực thuộc sau:

<i>Đơn vị trực thuộc</i>	<i>Địa chỉ</i>
Chi nhánh Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương Thanh Hóa	Huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa
Chi nhánh Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương Thái Bình	Huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình
Chi nhánh Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương miền Trung	Thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
Xí nghiệp Giống cây trồng Trung ương Ba Vì	Huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội
Chi nhánh Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương Hà Nam	Huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
Nhà máy chế biến giống Thường Tín	Huyện Thường Tín,, thành phố Hà Nội
Trung tâm nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao công nghệ Giống cây trồng Trung ương tại Khoái Châu	Huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trung tâm nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao công nghệ Giống cây trồng Trung ương	Huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội
Chi nhánh Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương Tây Nguyên	Thành phố Buôn Mê Thuột, tỉnh Đắk Lắk
Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương - Chi nhánh Hà Nội	Phường Gia Thụy, quận Long Biên, thành phố Hà Nội
Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương - Chi nhánh Kinh doanh Nông sản	Khu Công nghiệp Đồng Văn I mở rộng, Thị trấn Đồng Văn, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam

Số lượng nhân viên của Công ty và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 712 nhân viên (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 668 nhân viên).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty có 5 công ty con. Thông tin chi tiết về các công ty con và tỷ lệ lợi ích của Công ty trong các công ty con này như sau:

STT	Tên công ty	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động chính trong năm
1	Công ty Cổ phần Giống cây trồng Hà Tây	53,80%	53,80%	Phường Phú Lâm, quận Hà Đông, Hà Nội	Sản xuất, kinh doanh các loại giống cây trồng và cung cấp dịch vụ kho vận.
2	Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương Quảng Nam (tên trước đây là "Công ty Cổ phần Giống nông lâm nghiệp Quảng Nam")	90,02%	90,02%	Xã Điện Thắng Bắc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam	Cung cấp dịch vụ trồng trọt, bán buôn nông, lâm sản, nguyên vật liệu và động vật sống, chế biến nông lâm sản, mua bán vật tư phục vụ nông nghiệp.
3	Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam	74,90%	74,90%	Quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh	Nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh, và xuất nhập khẩu giống cây trồng các loại.
4	Công ty Cổ phần Cơ khí Giống cây trồng Miền Nam (*)	62,72%	83,74%	Quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh	Sản xuất máy nông nghiệp, lâm nghiệp; máy chế biến thực phẩm, đồ uống; sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc thiết bị.
5	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nông nghiệp Công nghệ cao Hà Nam	100%	100%	Huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam	Sản xuất và kinh doanh các loại dưa và rau quả nông sản cao cấp phục vụ nội tiêu và xuất khẩu; nghiên cứu ứng dụng, đào tạo, chuyển giao dịch vụ kỹ thuật nông nghiệp công nghệ cao.

(*) Công ty nắm giữ công ty con này gián tiếp qua một công ty con khác của Công ty là Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty Cổ phần Cơ khí Giống cây trồng Miền Nam đã ngừng hoạt động và đang trong quá trình hoàn tất các thủ tục phá sản doanh nghiệp theo các quy định hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty và các công ty con là Hình thức kế toán trên máy vi tính.

2.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.4 *Đơn vị tiền tệ trong kế toán*

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

2.5 *Cơ sở hợp nhất*

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Công ty thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Các báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán, và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa công ty mẹ và các công ty con, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.5 Cơ sở hợp nhất (tiếp theo)

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của các công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm thay đổi quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Các chính sách kế toán của Công ty và các công ty con sử dụng để lập báo cáo tài hợp nhất được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

3.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty và các công ty con áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu và hàng hóa	- chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	- giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty và các công ty con dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty và các công ty con dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.5 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.6 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

3.7 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 Tài sản cố định vô hình (tiếp theo)

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất bao gồm quyền sử dụng đất lâu dài được cấp Giấy Chứng nhận Quyền sử dụng đất và được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ("Thông tư 45").

Bản quyền

Bản quyền các loại giống ngô và lúa được ghi nhận theo giá mua đối với các loại giống không do Công ty và các công ty con tự nghiên cứu và phát triển. Bản quyền được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian ngắn hơn giữa thời gian sử dụng hữu ích ước tính và thời gian mua bản quyền.

3.8 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 25 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	5 - 6 năm
Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Máy móc và thiết bị	5 - 7 năm
Phần mềm máy tính	5 năm
Bản quyền	2 - 5 năm
Quyền sử dụng đất có thời hạn	10 - 49 năm

Quyền sử dụng đất lâu dài không trích khấu hao.

3.9 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và các công ty con.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

3.10 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

3.11 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 *Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại (tiếp theo)*

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm.

Sau khi đã kiểm soát công ty con, nếu công ty mẹ tiếp tục đầu tư vào công ty con để tăng tỷ lệ lợi ích nắm giữ, phần chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư thêm và giá trị ghi sổ của tài sản thuần của công ty con mua thêm được ghi nhận trực tiếp vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và được coi là các giao dịch vốn chủ sở hữu.

3.12 *Các khoản đầu tư*

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư khác vào ngày kết thúc kỳ kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 ("Thông tư 228") và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.13 *Các khoản phải trả và chi phí trích trước*

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty và các công ty con đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.14 *Trợ cấp thôi việc phải trả*

Trợ cấp thôi việc cho công nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày lập bảng cân đối kế toán theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo luật Lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi niên độ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty và các công ty con (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con dự kiến giao dịch; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.16 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, tái phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.17 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm các khoản lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các công ty con và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty và các công ty con trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty và các công ty con theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty và các công ty con.

Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty và các công ty con có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ được thực hiện và hoàn thành.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty và các công ty con được xác lập.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

3.19 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty và các công ty con chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty và các công ty con có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.19 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập hoặc lỗ tính thuế tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con khi Công ty và các công ty con có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán năm khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty và các công ty con chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty và các công ty con có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty và các công ty con dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.20 *Lãi trên cổ phiếu*

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.21 *Các bên liên quan*

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty và các công ty con nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và các công ty con và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên mật thiết trong gia đình mật thiết của các cá nhân được coi là liên quan.

4. HỢP NHẤT KINH DOANH

4.1 *Mua thêm cổ phần tại Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam*

Trong năm 2017, Công ty đã mua thêm 904.674 cổ phần tại Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam, một công ty con của Công ty. Theo đó, tỷ lệ lợi ích của Công ty tại công ty con này tăng lên thành 74,9%.

Giá phí phải trả bằng tiền cho các giao dịch mua thêm cổ phần tại Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam là 62.932.763.670 VND. Phần chênh lệch giữa giá phí của các khoản đầu tư thêm và phần sở hữu tăng thêm trong giá trị tài sản thuần của công ty con này là 44.198.301.446 VND được Công ty ghi nhận vào Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

4.2 *Mua thêm cổ phần tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nông nghiệp Công nghệ cao Hà Nam*

Trong giai đoạn tài chính 6 tháng đầu năm 2017, Công ty đã góp đủ vốn cam kết vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nông nghiệp Công nghệ cao Hà Nam với tỷ lệ góp vốn là 71,6% tổng vốn điều lệ được đăng ký của công ty con này. Trong tháng 12 năm 2017, Công ty đã tiếp tục mua lại toàn bộ phần vốn góp của cổ đông sáng lập còn lại của công ty con này và qua đó, tăng tỷ lệ lợi ích của Công ty tại công ty con này lên thành 100%.

4.3 *Thanh lý cổ phần đầu tư tại Công ty Cổ phần Giống Cây trồng Nam An*

Vào ngày 1 tháng 12 năm 2017, Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam đã thanh lý khoản đầu tư tại Công ty Cổ phần Giống Cây trồng Nam An, một công ty con của công ty Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam và theo đó, Công ty Cổ phần Giống Cây trồng Nam An không còn là công ty con của Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam và của Công ty kể từ ngày này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	13.955.917.214	10.381.161.036
Tiền gửi ngân hàng	161.791.316.691	146.117.998.681
Các khoản tương đương tiền (*)	12.500.000.000	21.049.005.605
TỔNG CỘNG	188.247.233.905	177.548.165.322

(*) Các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 bao gồm các khoản tiền gửi tại ngân hàng có kỳ hạn dưới ba tháng và hưởng lãi suất từ 4,8% đến 5,5%/năm (ngày 31 tháng 12 năm 2016: lãi suất 5,2%/năm).

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

6.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Cục Trồng trọt – Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	148.216.086.000	46.208.800.000
Công ty Cổ phần Giống cây trồng Điện Biên	10.591.406.000	9.808.800.000
Trung tâm Giống tỉnh Quảng Ngãi	8.334.181.900	6.608.328.500
Phải thu từ khách hàng khác	134.403.626.398	133.683.492.625
Phải thu từ bên liên quan (Thuyết minh số 30)	-	128.752.500
TỔNG CỘNG	301.545.300.298	196.438.173.625
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(7.490.153.801)	(5.330.934.860)

6.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho các nhà thầu xây dựng và người bán	4.512.683.080	8.898.960.000
Công ty Cổ phần Trang Nông Lâm Viên	3.530.739.520	3.500.000.000
Công ty Cổ phần Performance Motors Việt Nam	-	3.313.000.000
Trả trước cho nhà thầu xây dựng khác	981.943.560	2.085.960.000
Trả trước cho nhà cung cấp khác	27.768.322.122	32.791.398.184
Phạm Quốc Thịnh	2.000.000.000	899.568.672
Trần Văn Thuận	597.886.840	-
Trả trước cho các nhà cung cấp khác	25.170.435.282	31.891.829.512
TỔNG CỘNG	32.281.005.202	41.690.358.184

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Đầu tư vào cổ phiếu (*)	12.715.380.000	12.715.380.000
Tạm ứng chi phí hoạt động cho nhân viên	10.077.637.618	10.767.567.911
Phải thu dự án	1.727.756.918	3.623.894.139
Ký cược, ký quỹ	776.116.230	1.135.018.230
Phải thu khác	5.236.498.679	8.450.537.829
TỔNG CỘNG	30.533.389.445	36.692.398.109
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(221.004.395)	-

(*) Đây là số tiền đã được chi trả để đầu tư vào cổ phiếu của một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực trồng trọt và kinh doanh các sản phẩm giống cây trồng. Tuy nhiên, Công ty chưa hoàn tất các thủ tục pháp lý liên quan đến việc mua cổ phần tại doanh nghiệp này tại ngày 31 tháng 12 năm 2017.

8. NỢ XẤU

Đơn vị tính: VND

Đối tượng nợ	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
HTX Dịch Vụ Nông Nghiệp Đông Cừu	836.220.000	-	836.220.000	-
Công Ty TNHH Thương mại Dịch vụ Nông Nghiệp Tài Lộc (CNB)	736.969.000	-	736.969.000	-
Công ty TNHH MTV VTNN Tây Bắc	336.815.587	-	336.815.587	-
Công ty Thương Mại Dịch vụ Đắk Nông	605.937.458	-	654.711.000	-
Khách hàng khác	5.195.216.151	-	2.766.219.273	-
TỔNG CỘNG	7.711.158.196	-	5.330.934.860	-

9. HÀNG TỒN KHO

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Thành phẩm	257.084.963.181	(6.899.057.653)	242.966.628.124	(2.717.657.429)
Hàng hóa	29.119.769.997	-	40.099.416.907	-
Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	32.743.755.014	-	49.840.723.705	(527.059.669)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	3.363.870.378	-	12.834.112.354	-
Công cụ, dụng cụ	1.189.849.875	-	1.779.763.530	-
TỔNG CỘNG	323.502.208.445	(6.899.057.653)	347.520.644.620	(3.244.717.098)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. HÀNG TỒN KHO (tiếp theo)

Chi tiết tình hình tăng, giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	3.244.717.098	14.711.605.733
Dự phòng trích lập trong năm (*)	5.975.430.030	4.569.531.935
Sử dụng và hoàn nhập dự phòng trong năm	(2.321.089.475)	(16.036.420.570)
Số cuối năm	6.899.057.653	3.244.717.098

(*) Trong năm, Công ty và các công ty con đã trích lập bổ sung dự phòng giảm giá hàng tồn kho cho một số chủng loại giống ngô và lúa không đạt tiêu chuẩn chất lượng quy định.

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Chi phí bao bì, tem nhãn	6.415.687.950	5.313.492.467
Chi phí sửa chữa, cải tạo	250.457.142	397.655.618
Công cụ, dụng cụ	136.682.546	282.352.410
Khác	174.758.937	499.285.610
TỔNG CỘNG	6.977.586.575	6.492.786.105
Dài hạn		
Tiền thuê đất	6.217.464.994	-
Chi phí sửa chữa, cải tạo	3.309.587.364	3.538.866.251
Công cụ, dụng cụ	632.285.334	1.132.840.276
Chi phí nghiên cứu giống	68.183.785	4.333.704.571
Khác	1.073.600.304	2.778.793.434
TỔNG CỘNG	11.301.121.781	11.784.204.532

Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Đơn vị tính: VND Tổng cộng
Nguyên giá:						
Số đầu năm	220.298.623.136	114.974.526.096	36.076.962.902	4.578.235.357	160.000.000	376.088.347.491
Mua trong năm	43.021.717.113	9.109.585.014	9.772.042.438	656.551.552	4.901.902.299	67.461.798.416
Thanh lý khoản đầu tư tại công ty con (Thuyết minh 4.3)	(3.444.074.372)	(974.314.782)	(650.653.058)	-	-	(5.069.042.212)
Thanh lý, nhượng bán	(158.297.000)	-	(2.056.945.473)	-	-	(2.215.242.473)
Số cuối năm	259.717.968.877	123.109.796.328	43.141.406.809	5.234.786.909	5.061.902.299	436.265.861.222
Trong đó:						
Đã khấu hao hết	29.594.998.988	32.719.601.350	12.034.815.509	1.751.258.344	160.000.000	76.260.674.191
Giá trị khấu hao lũy kế:						
Số đầu năm	74.555.399.354	52.586.848.445	21.729.268.349	2.696.913.754	160.000.000	151.728.429.902
Khấu hao trong năm	13.373.601.121	9.755.350.794	4.258.724.073	738.640.115	71.927.757	28.198.243.860
Thanh lý khoản đầu tư tại công ty con (Thuyết minh 4.3)	(2.339.608.971)	(671.544.429)	(547.647.703)	-	-	(3.558.801.103)
Thanh lý, nhượng bán	(94.313.565)	-	(1.244.774.206)	-	-	(1.339.087.771)
Số cuối năm	85.495.077.939	61.670.654.810	24.195.570.513	3.435.553.869	231.927.757	175.028.784.888
Giá trị còn lại:						
Số đầu năm	145.743.223.782	62.387.677.651	14.347.694.553	1.881.321.603	-	224.359.917.589
Số cuối năm	174.222.890.938	61.439.141.518	18.945.836.296	1.799.233.040	4.829.974.542	261.237.076.334

Công ty đã sử dụng toàn bộ nhà cửa, vật kiến trúc và máy móc thiết bị thuộc nhà máy chế biến và bảo quản giống cây trồng và nhà máy gao tại thị trấn Đồng Văn, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam làm tài sản thế chấp cho các khoản vay dài hạn như được trình bày tại Thuyết minh số 20.2.

Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất lâu dài	Quyền sử dụng đất có thời hạn	Phần mềm máy tính	Bản quyền	Tổng cộng
Nguyên giá:					
Số đầu năm	156.014.620.089	58.382.682.274	1.936.638.824	11.761.600.000	228.095.541.187
Mua mới trong năm	-	-	377.150.000	2.645.000.000	3.022.150.000
Số cuối năm	156.014.620.089	58.382.682.274	2.313.788.824	14.406.600.000	231.117.691.187
Trong đó:					
Đã hao mòn hết	-	586.390.520	254.663.824	4.826.600.000	5.667.654.344
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Số đầu năm	-	7.641.602.601	670.946.616	8.139.370.847	16.451.920.064
Hao mòn trong năm	-	2.536.123.139	406.805.334	1.423.833.349	4.366.761.822
Số cuối năm	-	10.177.725.740	1.077.751.950	9.563.204.196	20.818.681.886
Giá trị còn lại:					
Số đầu năm	156.014.620.089	50.741.079.673	1.265.692.208	3.622.229.153	211.643.621.123
Số cuối năm	156.014.620.089	48.204.956.534	1.236.036.874	4.843.395.804	210.299.009.301

Đơn vị tính: VND

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Dự án Củ Chi và Sơn La	11.903.862.672	11.903.862.672
Dự án Phương Mai - Nhà cao tầng	1.019.394.700	2.113.446.664
Công trình khác	305.654.052	540.181.290
TỔNG CỘNG	<u>13.228.911.424</u>	<u>14.557.490.626</u>

Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số cuối năm				Số đầu năm			Đơn vị tính: VND
	Giá gốc (VND)	Số lượng (cổ phiếu)	Dự phòng (VND)	Giá trị hợp lý (VND)	Giá gốc (VND)	Số lượng (cổ phiếu)	Dự phòng (VND)	
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác								
- Công ty Cổ phần Giống cây trồng Thái Bình (*)	13.333.640.000	99.938	-	(*) 13.333.640.000	-	99.938	-	-
TỔNG CỘNG	13.333.640.000			- 13.333.640.000				-

(*) Công ty không thể thu thập các thông tin cần thiết và thực hiện đánh giá giá trị hợp lý của cổ phiếu nắm giữ tại công ty này do cổ phiếu của công ty này chưa được niêm yết trên sàn chứng khoán.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty sở hữu 10,03% cổ phần trong Công ty Cổ phần Giống cây trồng Thái Bình.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

Đơn vị tính: VND

	Lợi thế thương mại từ hợp nhất Công ty Cổ phần Giống cây trồng Hà Tây	Lợi thế thương mại từ hợp nhất Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương Quảng Nam	Lợi thế thương mại từ hợp nhất Công ty Cổ phần giống cây trồng Miền Nam và các công ty con của công ty này	Tổng cộng
Nguyên giá:				
Số đầu năm	26.557.087.281	1.911.006.045	232.759.389.035	261.227.482.361
- Thanh lý khoản đầu tư tại công ty con (Thuyết minh 4.3)	-	-	(380.750.915)	(380.750.915)
Số cuối năm	26.557.087.281	1.911.006.045	232.378.638.120	260.846.731.446
Phân bổ lũy kế:				
Số đầu năm	15.934.252.369	522.894.963	40.732.893.081	57.190.040.413
- Thanh lý khoản đầu tư tại công ty con (Thuyết minh 4.3)	-	-	(95.187.729)	(95.187.729)
- Phân bổ trong năm	2.655.708.728	191.100.605	23.266.420.129	26.113.229.462
Số cuối năm	18.589.961.097	713.995.568	63.904.125.481	83.208.082.146
Giá trị còn lại:				
Số đầu năm	10.622.834.912	1.388.111.082	192.026.495.954	204.037.441.948
Số cuối năm	7.967.126.184	1.197.010.477	168.474.512.639	177.638.649.300

16. PHẢI TRẢ CHO NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

16.1 Phải trả người bán ngắn hạn

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả nhà thầu xây dựng	925.509.673	925.509.673	1.843.768.207	1.843.768.207
Phải trả cho người bán	99.324.145.436	98.565.123.176	81.835.668.074	81.835.668.074
- Công ty TNHH Giống cây trồng Vạn Xuyên - Trung Quốc	47.926.968.424	47.926.968.424	27.306.662.831	27.306.662.831
- Công ty TNHH Sichuan Longping High-tech	-	-	4.867.181.892	4.867.181.892
- Công ty TNHH Sichuan Nongda High-tech	-	-	2.274.610.950	2.274.610.950
- Phải trả đối tượng khác	51.397.177.012	50.638.154.752	47.387.212.401	47.387.212.401
TỔNG CỘNG	100.249.655.109	99.490.632.849	83.679.436.281	83.679.436.281

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. PHẢI TRẢ CHO NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN (tiếp theo)

16.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Phát triển nhà Daewon - Thủ Đức (*)	40.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Giống cây trồng Nghệ An	-	5.000.000.000
Người mua trả tiền trước khác	63.105.984.669	40.500.445.324
TỔNG CỘNG	103.105.984.669	45.500.445.324

(*) Đây là số tiền đặt cọc liên quan đến việc chuyển nhượng giá trị quyền sử dụng đất và các quyền lợi liên quan tại 282 Lê Văn Sỹ, phường 1, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh. Khu đất này được sở hữu bởi Công ty Cổ phần Giống Cây trồng Miền Nam, một công ty con của Công ty, và tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, các thủ tục liên quan đến việc chuyển nhượng khu đất và các quyền liên quan đến chưa được hoàn tất.

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Đơn vị tính: VND			
	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế giá trị gia tăng	474.225.496	671.037.291	(647.586.471)	497.676.316
Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.846.696.811	21.315.655.187	(23.343.868.775)	6.818.483.223
Thuế thu nhập cá nhân	4.731.053.777	8.824.657.989	(11.454.664.148)	2.101.047.618
Thuế khác	445.231.159	3.564.620.163	(4.009.851.322)	-
TỔNG CỘNG	14.497.207.243	34.375.970.630	(39.455.970.716)	9.417.207.157

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí mua bản quyền	5.147.552.667	2.636.090.229
Chi phí lãi vay phải trả	711.609.793	755.712.054
Chiết khấu thanh toán	-	209.420.848
Chi phí phải trả khác	1.760.781.937	1.558.812.928
TỔNG CỘNG	7.619.944.397	5.160.036.059

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Cổ tức phải trả	24.887.550.310	24.914.945.310
Quỹ lương của năm 2015 trở về trước đã nộp thuế TNDN	10.255.178.149	-
Dự phòng trợ cấp thôi việc	2.299.996.750	3.132.871.290
Chi phí phải trả - Các dự án lúa	847.228.806	43.074.900
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	842.965.776	513.215.325
Thù lao Hội đồng Quản trị	542.767.056	272.164.610
Kinh phí công đoàn	228.593.564	103.207.795
Phải trả cho đơn vị khoán sản xuất	27.749.380	995.207.262
Chi phí đền bù đất phải trả - Dự án Đồng Văn	-	2.847.000.000
Tạm ứng từ Quỹ VBCF	-	1.416.604.000
Kinh phí hỗ trợ mua giống gốc để sản xuất lúa lai	-	984.550.275
Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.997.746.254	2.780.938.924
TỔNG CỘNG	43.929.776.045	38.003.779.691
<i>Trong đó:</i>		
- <i>Phải trả ngắn hạn khác bên liên quan (Thuyết minh số 30)</i>	<i>17.206.875.000</i>	<i>17.193.969.000</i>
- <i>Phải trả ngắn hạn đối tượng khác</i>	<i>26.722.901.045</i>	<i>20.809.810.691</i>

Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. VAY VÀ NỢ

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Số có khả năng trả nợ				Số có khả năng trả nợ	
	Giá trị		Tăng	Giảm	Giá trị	
Vay ngắn hạn	123.225.506.839	123.225.506.839	256.274.895.470	(242.467.621.049)	137.032.781.260	137.032.781.260
Vay ngân hàng ngắn hạn	87.906.619.964	87.906.619.964	248.512.159.520	(207.148.734.174)	129.270.045.310	129.270.045.310
Vay ngân hàng dài hạn đến hạn trả	35.318.886.875	35.318.886.875	7.762.735.950	(35.318.886.875)	7.762.735.950	7.762.735.950
Vay dài hạn	7.762.735.950	7.762.735.950	7.165.026.040	(7.762.735.950)	7.165.026.040	7.165.026.040
Vay ngân hàng dài hạn	7.762.735.950	7.762.735.950	7.165.026.040	(7.762.735.950)	7.165.026.040	7.165.026.040
TỔNG CỘNG	130.988.242.789	130.988.242.789	263.439.921.510	(250.230.356.999)	144.197.807.300	144.197.807.300

Đơn vị tính: VND

Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 3^o tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. VAY VÀ NỢ (tiếp theo)

20.1 Các khoản vay ngân hàng ngắn hạn

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

Tên: ngân hàng	Số cuối năm (VND)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Thăng Long	91.311.216.750	Hạn mức tín dụng là 200 tỷ đồng. Thời hạn cho vay theo từng giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 10 tháng. Lãi trả vào ngày 26 hàng tháng.	Không
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Sài Gòn	37.958.828.560	Lãi trả vào ngày 25 hàng tháng. Hợp đồng vay có hiệu lực đến hết ngày 17 tháng 3 năm 2018.	Không
TỔNG CỘNG	129.270.045.310		

Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

20.2 Các khoản vay ngân hàng dài hạn

Chi tiết các khoản vay dài hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

Tên ngân hàng	Số cuối năm (VND)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hoàng Mai	7.762.735.950	Hạn mức tín dụng là 77 tỷ đồng. Gốc vay thanh toán sau 24 tháng từ ngày giải ngân đầu tiên vào ngày 14 tháng 2 năm 2015 và theo phụ lục hợp đồng được lập sau thời gian ân hạn.	Toàn bộ tài sản được hình thành của Dự án đầu tư xây dựng nhà máy chế biến và bảo quản giống cây trồng, nhà máy gạo tại Thị trấn Đồng Văn, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam.
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Thăng Long	7.165.026.040	Hạn mức tín dụng là 25 tỷ đồng. Thời hạn cho vay là 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi thanh toán vào ngày 25 hàng tháng.	1.500.000 cổ phiếu SSC của Công ty Cổ phần Giống cây trồng miền Nam được sở hữu bởi Công ty.
TỔNG CỘNG		14.927.761.990	
<i>Trong đó:</i>			
- Vay dài hạn đến hạn trả	7.762.735.950		
- Vay dài hạn	7.165.026.040		

Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

21.1 *Tình hình tăng/(giảm) nguồn vốn chủ sở hữu*

	Vốn góp	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư và phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích của cổ đồng không kiểm soát	Đơn vị tính: VND
Năm trước							Tổng cộng
Số dư đầu năm	152.950.000.000	331.245.527.850	(20.000.000)	197.714.342.649	123.365.732.124	197.395.215.856	1.002.650.818.479
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	175.205.884.388	17.254.473.769	192.460.358.157
Mua lại cổ phiếu quỹ	-	-	(20.000.000)	-	-	-	(20.000.000)
Trích lập quỹ Trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	86.300.576.516	(86.300.576.516)	-	-
Chia cổ tức từ lợi nhuận năm 2015	-	-	-	-	(17.385.511.472)	(1.578.748.678)	(18.964.260.150)
Tạm chia cổ tức từ lợi nhuận 2016	-	-	-	-	(30.567.056.000)	(12.493.847.000)	(43.060.903.000)
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát	-	-	-	-	(22.925.292.000)	-	(22.925.292.000)
Sử dụng các quỹ	-	-	-	(17.227.811.733)	-	(83.160.000)	(1.268.000.000)
Giảm khác	-	-	-	-	(311.293.616)	(4.875.494.426)	(22.103.306.159)
Số dư cuối năm	152.950.000.000	331.245.527.850	(40.000.000)	266.787.107.432	139.897.046.908	194.835.982.685	1.085.675.664.875

Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

21.1 Tình hình tăng/(giảm) nguồn vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

Năm nay	Vốn góp	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư và phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Đơn vị tính: VND
							Tổng cộng
Số dư đầu năm	152.950.000.000	331.245.527.850	(40.000.000)	266.787.107.432	139.897.046.908	194.835.982.685	1.085.675.664.875
Lợi nhuận thuần							
trong năm	-	-	-	-	210.797.004.116	23.818.222.318	234.615.226.434
Trích lập quỹ (*)	-	-	-	57.288.707.153	(57.288.707.153)	-	-
Trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi (*)	-	-	-	-	(22.845.966.441)	(1.317.147.318)	(24.163.113.759)
Chia cổ tức từ lợi nhuận năm 2016 (*)	-	-	-	-	(22.925.292.000)	(731.250.000)	(23.656.542.000)
Tạm chia cổ tức từ lợi nhuận 2017 (**)	-	-	-	-	(22.925.292.000)	-	(22.925.292.000)
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	-	(1.709.391.110)	(105.937.191)	(1.815.328.301)
Sử dụng các quỹ (***)	-	-	-	(19.099.866.195)	-	(2.178.609.986)	(21.278.476.181)
Ảnh hưởng do thay đổi tỷ lệ kiểm soát trong công ty con do công ty con mua lại cổ phiếu quỹ	-	-	-	-	(42.162.689.836)	(56.696.648.073)	(98.859.337.909)
Tăng vốn góp tại công ty con	-	-	-	-	(44.198.301.446)	(18.734.462.224)	(62.932.763.670)
Thoái vốn tại công ty con	-	-	-	-	-	(2.789.202.527)	(2.789.202.527)
Giảm khác	-	-	-	-	(1.252.385.801)	(1.347.062.747)	(2.599.448.548)
Số dư cuối năm	152.950.000.000	331.245.527.850	(40.000.000)	304.975.948.390	135.386.025.237	134.753.884.937	1.059.271.386.414

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

21.1 Tình hình tăng/(giảm) nguồn vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

- (*) Việc trích lập các quỹ và chia cổ tức từ lợi nhuận năm 2016 được thực hiện theo các Nghị quyết của Đại hội Cổ đông thường niên của Công ty mẹ, Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam và Công ty Cổ phần Giống cây trồng Hà Tây.
- (**) Công ty đã tạm chia cổ tức từ lợi nhuận năm 2017 theo Nghị quyết số 50/NQ-HĐQT-CTG của Hội đồng Quản trị Công ty ngày 22 tháng 12 năm 2017.
- (***) Công ty và công ty con đã sử dụng một phần quỹ đầu tư phát triển để phục vụ cho hoạt động nghiên cứu và sản xuất thử nghiệm của Công ty và các công ty con.

21.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Tổng số	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi	Tổng số	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi
Vốn góp	152.950.000.000	152.950.000.000	-	152.950.000.000	152.950.000.000	-
Vốn góp của Công ty Cổ phần PAN FARM	114.712.500.000	114.712.500.000	-	114.712.500.000	114.712.500.000	-
Vốn góp của đối tượng khác	38.237.500.000	38.237.500.000	-	38.237.500.000	38.237.500.000	-
Thặng dư vốn cổ phần	331.245.527.850	331.245.527.850	-	331.245.527.850	331.245.527.850	-
TỔNG CỘNG	484.195.527.850	484.195.527.850	-	484.195.527.850	484.195.527.850	-

21.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Vốn đã góp		
Số đầu năm	152.950.000.000	152.950.000.000
Tăng trong năm	-	-
Số cuối năm	152.950.000.000	152.950.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã công bố	45.850.584.000	53.492.348.000
Cổ tức cho năm 2017 (tạm chia): 1.500 đồng/cổ phiếu	22.925.292.000	-
Cổ tức cho năm 2016, đợt 2: 1.500 đồng/cổ phiếu	22.925.292.000	-
Cổ tức cho năm 2016 (tạm chia): 1.500 đồng/cổ phiếu	-	22.925.292.000
Cổ tức cho năm 2015, đợt 2: 2.000 đồng/cổ phiếu	-	30.567.056.000
Cổ tức, lợi nhuận đã trả	45.850.584.000	30.567.056.000
Cổ tức cho năm 2016	45.850.584.000	-
Cổ tức cho năm 2015	-	30.567.056.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

21.4 Cổ phiếu

	<i>Số cuối năm Cổ phiếu</i>	<i>Số đầu năm Cổ phiếu</i>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	15.295.000	15.295.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
Cổ phiếu phổ thông	15.295.000	15.295.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (Cổ phiếu quỹ)		
Cổ phiếu phổ thông	11.472	11.472
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	15.283.528	15.283.528
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu (2016: 10.000 đồng/cổ phiếu)

22. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
<i>CHỈ TIÊU</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Tài sản nhận giữ hộ bên thứ ba (VND)	762.740.055	762.740.055
Hàng hóa nhận giữ hộ bên thứ ba (VND) (*)	127.710.132.000	94.397.860.000
Ngoại tệ các loại:		
- Đô la Mỹ (USD)	11.668	12.437
- Euro (EUR)	2.171	1
- Nhân dân tệ (CNY)	93.673	97.473
- Kíp Lào (LAK)	1.000.000	1.000.000
Nợ khó đòi đã xử lý	4.585.690.435	3.300.578.518

(*) Đây là hàng hóa của Cục Trồng trọt thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn được Công ty nhận giữ hộ theo Hợp đồng mua bán hạt giống lúa, ngô dự trữ quốc gia năm 2017 số 07/HĐMB/MBDTQG ngày 30 tháng 11 năm 2017, Hợp đồng bảo quản hạt giống lúa, ngô dự trữ quốc gia năm 2017 số 07/HĐBQ/MBDTQG ngày 28 tháng 11 năm 2017 và Hợp đồng mua bán số 09/HĐMB/DTQG ngày 29/11/2017 giữa Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam và Cục Trồng trọt.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. DOANH THU

23.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	1.602.980.742.843	1.436.841.654.222
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	1.597.752.355.946	1.430.660.576.226
Doanh thu cung cấp dịch vụ	5.228.386.897	6.181.077.996
Các khoản giảm trừ doanh thu	90.378.026.742	106.058.470.882
Chiết khấu thương mại	39.366.184.333	32.643.464.252
Hàng bán bị trả lại	41.412.429.849	70.929.619.110
Giảm giá hàng bán	9.599.412.560	2.485.387.520
Doanh thu thuần	1.512.602.716.101	1.330.783.183.340
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	1.507.374.329.204	1.324.602.105.344
Doanh thu cung cấp dịch vụ	5.228.386.897	6.181.077.996
Trong đó:		
Doanh thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ cho bên thứ ba	1.512.016.706.101	1.322.917.325.857
Doanh thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan (Thuyết minh số 30)	586.010.000	7.865.857.483

23.2 Doanh thu hoạt động tài chính

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Cổ tức được chia	5.682.498.000	2.094.165.500
Lãi tiền gửi	2.018.791.007	1.577.511.970
Lãi từ thanh lý khoản đầu tư tại công ty con	1.820.934.789	-
Hỗ trợ lãi vay vốn	1.289.418.000	-
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	77.583.254	3.072.466.966
TỔNG CỘNG	10.889.225.050	6.744.144.436

24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của thành phẩm, hàng hóa đã bán và dịch vụ cung cấp	948.229.465.785	833.229.865.816
Dự phòng/(hoàn nhập dự phòng) giảm giá hàng tồn kho thuần	3.654.340.555	(1.512.032.807)
TỔNG CỘNG	951.883.806.340	831.717.833.009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	7.651.206.285	12.393.621.843
Chiết khấu thanh toán	7.568.628.793	6.872.210.671
Lỗ chênh lệch tỷ giá	2.277.617.723	317.317.200
Lỗ thanh lý chứng khoán kinh doanh	34.733.500	358.730.000
Dự phòng/(hoàn nhập) dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	24.248.200	(1.504.006.100)
Chi phí khác	155.122.000	-
TỔNG CỘNG	17.711.556.501	18.437.873.614

26. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Chi phí bán hàng		
- Chi phí tiền lương, tiền công lao động	39.660.391.164	34.599.712.877
- Chi phí vận chuyển	31.158.518.906	34.370.687.181
- Chi phí khấu hao	5.461.575.415	7.181.063.248
- Chi phí bán hàng khác	50.247.988.338	49.535.900.301
TỔNG CỘNG	126.528.473.823	125.687.363.607
Chi phí quản lý doanh nghiệp		
- Chi phí tiền lương, tiền công lao động	88.250.054.817	76.907.795.168
- Phân bổ lợi thế thương mại trong năm	26.113.229.462	26.122.748.236
- Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	60.770.290.079	45.608.371.761
TỔNG CỘNG	175.133.574.358	148.638.915.165

27. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác	7.450.383.638	2.397.292.991
Thu nhập từ tiền bồi thường	2.507.209.816	398.145.455
Nhận hỗ trợ từ quỹ VBCF	1.416.604.000	-
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	423.950.843	127.807.272
Thu nhập từ cho thuê kho	546.136.364	393.696.938
Thu nhập khác	2.556.482.615	1.477.643.326
Chi phí khác	4.088.941.536	1.351.270.521
Thanh lý, xóa sổ tài sản	1.094.051.964	-
Xóa sổ khoản phải thu	1.239.726.106	-
Lãi phạt chậm nộp thuế	338.067.158	363.622.473
Chi phí thuê kho	104.440.818	-
Chi phí khác	1.312.655.490	987.648.048
LỢI NHUẬN THUẦN	3.361.442.102	1.046.022.470

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí nguyên vật liệu	926.522.898.954	919.744.274.487
Chi phí nhân công	166.865.522.347	146.654.973.805
Chi phí khấu hao và khấu trừ	58.111.565.247	58.307.734.929
Chi phí dịch vụ mua ngoài	66.117.810.205	60.052.824.090
Chi phí khác	29.596.503.939	23.735.560.641
TỔNG CỘNG	<u>1.247.214.300.692</u>	<u>1.208.495.367.952</u>

29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương

Căn cứ vào Giấy chứng nhận số 03/DNKHCN do Sở Khoa học và Công nghệ Thành phố Hà Nội cấp ngày 1 tháng 3 năm 2011, Công ty được chấp thuận là Doanh nghiệp Khoa học và Công nghệ ("KH&CN"), và theo đó, Công ty được miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") như doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư thuộc lĩnh vực công nghệ cao, nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ từ khi có thu nhập chịu thuế với điều kiện: doanh thu của các sản phẩm, hàng hóa hình thành từ kết quả KH&CN trong năm thứ nhất từ 30% tổng doanh thu trở lên, năm thứ hai từ 50% tổng doanh thu trở lên và năm thứ ba trở đi từ 70% tổng doanh thu trở lên. Cụ thể:

- (i) Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 10% trong 15 năm kể từ năm đầu tiên có doanh thu từ hoạt động KH&CN;
- (ii) Công ty được miễn thuế TNDN trong 4 (bốn) năm (từ năm 2011) và giảm 50% trong 9 (chín) năm tiếp theo; và
- (iii) Thuế suất đối với thu nhập từ hoạt động kinh doanh khác là 20%.

Các công ty con

Thuế suất TNDN của Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam, một công ty con của Công ty, là 20% trên tổng thu nhập và được miễn thuế TNDN trong 4 (bốn) năm kể từ năm đầu tiên có doanh thu từ hoạt động KH&CN và giảm 50% trong 9 (chín) năm tiếp theo theo Giấy chứng nhận số 08/DK-DNKHCN do Sở Khoa học và Công nghệ Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 30 tháng 7 năm 2012. Theo đó, thuế suất của Công ty cho năm 2017 là 10% (và cho năm 2016 là 20%).

Thuế suất TNDN của các công ty con khác là 20% trên tổng thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

29.1 Chi phí thuế TNDN

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	19.770.918.418	22.225.426.781
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu/(thừa) năm trước	(178.392.325)	153.125.688
Chi phí/(Thu nhập) thuế TNDN hoãn lại	1.388.219.704	(747.545.775)
TỔNG CỘNG	20.980.745.797	21.631.006.694

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	255.595.972.231	214.091.364.851
Thuế TNDN theo thuế suất áp dụng cho Công ty		
Hoạt động khoa học và công nghệ: 5%	9.397.742.867	10.375.703.021
Hoạt động khoa học và công nghệ: 10%	7.412.231.551	-
Hoạt động khác: 20%	3.273.266.326	13.232.815.829
Các khoản điều chỉnh tăng:		
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu trong những kỳ trước	-	153.125.688
Chi phí không được khấu trừ thuế khác	620.037.039	189.043.921
Chi phí phải trả và các chênh lệch khác	1.726.637.599	-
Các khoản điều chỉnh giảm:		
Thu nhập từ hoạt động không thuộc diện nộp thuế TNDN	(880.886.113)	(1.929.565.016)
Điều chỉnh thuế TNDN trích thừa trong những kỳ trước	(178.392.325)	-
Chiết khấu thương mại đã tính thuế kỳ trước	(389.891.147)	(390.116.749)
Chi phí thuế TNDN	20.980.745.797	21.631.006.694

29.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty và các công ty con khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty và các công ty con được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

29.3 Thuế TNDN hoãn lại

Công ty và các công ty con đã ghi nhận một số khoản thuế TNDN hoãn lại phải trả và tài sản thuế thu nhập hoãn lại và các biến động trong năm nay và năm trước như sau:

Đơn vị tính: VND

	Bảng cân đối kế toán hợp nhất		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016	Năm nay	Năm trước
Tài sản thuế TNDN hoãn lại				
Chiết khấu thương mại chưa xuất hóa đơn	1.175.959.373	3.804.422.857	(2.628.463.484)	439.017.228
Dự phòng trợ cấp thôi việc	-	166.574.908	(166.574.908)	(48.900.479)
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	423.177.333	-	423.177.333	-
Lợi nhuận chưa thực hiện	716.508.854	182.238.133	534.270.721	107.532.086
Giao dịch bán tài sản nội bộ	20.662.573	20.662.573	-	-
	2.336.308.133	4.173.898.471	(1.837.590.338)	497.648.835
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả				
Chênh lệch do đánh giá lại tài sản của các công ty con tại ngày hợp nhất kinh doanh	33.407.413.411	33.856.784.045	449.370.634	249.896.940
	33.407.413.411	33.856.784.045	449.370.634	249.896.940
(Chi phí)/thu nhập thuế thu nhập hoãn lại tính vào kết quả kinh doanh hợp nhất			(1.388.219.704)	747.545.775

30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các nghiệp vụ chủ yếu với các bên liên quan trong năm nay và năm trước như sau:

Đơn vị tính: VND

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN	Công ty cùng tập đoàn	Chi trả cổ tức Xuất bán hàng hóa, vật tư, thành phẩm	- 586.010.000	22.932.567.000 58.434.400
Công ty Cổ phần Thực phẩm PAN	Công ty cùng tập đoàn	Xuất bán hàng hóa, vật tư, thành phẩm	-	7.807.423.083
Công ty Cổ phần PAN FARM	Công ty mẹ	Phải trả tiền tạm ứng cổ tức năm 2016 Phải trả tiền tạm ứng cổ tức năm 2017 Chi trả cổ tức	- 17.206.875.000 17.206.875.000	17.193.969.000 -

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan:

Công ty cho vay các bên liên quan, bán hàng cũng như mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan trên cơ sở thỏa thuận theo hợp đồng.

Số dư các khoản phải thu, phải trả tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty chưa trích lập bất cứ một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi nào liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Công ty (ngày 31 tháng 12 năm 2016: mức trích lập dự phòng bằng không). Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi năm thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan.

Vào ngày kết thúc năm tài chính, số dư các khoản phải thu và phải trả khác với các bên liên quan như sau:

<i>Đơn vị tính: VND</i>				
<i>Các bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 6.1)</i>				
Công ty Cổ phần Thực phẩm PAN	Công ty cùng tập đoàn	Bán hàng hóa	-	128.752.500
			-	128.752.500
<i>Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh số 19)</i>				
Công ty Cổ phần PAN FARM	Công ty mẹ	Phải trả tiền tạm ứng cổ tức năm 2016	17.206.875.000	17.193.969.000
			17.206.875.000	17.193.969.000

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên Ban Tổng Giám đốc của Hội đồng Quản trị:

<i>Đơn vị tính: VND</i>		
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lương và thưởng	16.051.068.667	11.662.577.805
	16.051.068.667	11.662.577.805

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu.

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
Lợi nhuận sau thuế TNDN phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	210.797.004.116	175.205.884.388
Điều chỉnh giảm do trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	(17.520.588.439)
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông sau khi đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm	210.797.004.116	157.685.295.949
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông (không bao gồm cổ phiếu quỹ) để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	15.283.528	15.285.667
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông (không bao gồm cổ phiếu quỹ) đã điều chỉnh để cho các yếu tố suy giảm	15.283.528	15.285.667
Lãi trên cổ phiếu		
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu	13.792	10.316
- Lãi suy giảm trên cổ phiếu	13.792	10.316

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm đến ngày hoàn thành báo cáo tài chính hợp nhất.

(*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm 2016 đã được điều chỉnh giảm so với lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu đã được thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất cho năm 2016. Số điều chỉnh giảm tương ứng với khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ công ty mẹ được trích lập từ lợi nhuận của năm 2016 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 26/NQ-ĐHĐCĐ2017 ngày 18 tháng 4 năm 2017.

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm 2017 chưa được điều chỉnh phần trích quỹ khen thưởng, phúc lợi do chưa có Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông để trích lập quỹ từ nguồn lợi nhuận sau thuế năm nay.

32. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty và các công ty con là sản xuất, kinh doanh và cung cấp các sản phẩm và dịch vụ liên quan đến giống cây trồng. Bên cạnh đó, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và các công ty con được thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam. Do vậy, Công ty và các công ty con không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

33. CÁC CAM KẾT

Cam kết liên quan đến tiền thuê đất

Công ty và các công ty con hiện đang thuê đất theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đến 1 năm	2.399.590.254	536.911.302
Trên 1 – 5 năm	7.735.682.064	2.147.645.208
Trên 5 năm	17.181.161.664	17.718.072.966
TỔNG CỘNG	27.316.433.982	20.402.629.476



34. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con.

Người lập
Nguyễn Thị Như Quỳnh

Kế toán trưởng
Phan Thế Tỷ



Tổng Giám đốc
Trần Kim Liên

Ngày 15 tháng 3 năm 2018